TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
----------	----------

Bản án số: 08/2022/DS-ST

Ngày 10 tháng 5 năm 2022

V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đức

Bà Nguyễn Thị Kim Ngân

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mỹ Thương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2021 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Thanh T**, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Số 222 đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Phan Q**, sinh năm: 1995, địa chỉ: Số 222 đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Theo Văn bản uỷ quyền ngày 04/3/2020 được Uỷ ban nhân dân phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng chứng thực). Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Phương T**, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Số 256 đường H, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh T trình bày:

Vào ngày 10/9/2018, bà Huỳnh Thị Thanh T có cho bà Trần Thị Phương T vay số tiền 200.000.000 đồng. Thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày nhận đủ tiền. Mục đích vay để làm ăn, kinh doanh. Lãi suất hai bên thỏa thuận 01%/01 tháng. Khi vay hai bên có lập giấy cho vay tiền. Thực hiện hợp đồng, từ ngày 10/9/2018 đến ngày 22/11/2018 bà Huỳnh Thị Thanh T đã chuyển vào số tài khoản 1899100901 của bà Trần Thị Phương T tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong đủ số tiền 200.000.000 đồng, cụ thể lịch sử chuyển tiền như sau:

Ngày 10/9/2018 chuyển số tiền 10.000.000 đồng;

Ngày 11/9/2018 chuyển số tiền 145.000.000 đồng;

Ngày 08/10/2018 chuyển số tiền 13.000.000 đồng;

Ngày 08/10/2018 chuyển số tiền 7.000.000 đồng;

Ngày 22/10/2018 chuyển số tiền 7.000.000 đồng;

Ngày 22/11/2018 chuyển số tiền 18.000.000 đồng.

Từ ngày 23/12/2018 đến nay, bà Trần Thị Phương T vẫn chưa thanh toán cho bà Huỳnh Thị Thanh T được bất kỳ khoản tiền gốc và lãi nào cho dù bà Huỳnh Thị Thanh T đã nhiều lần nhắc nhở. Hiện nay bà Trần Thị Phương T không còn cư trú tại địa chỉ cũ, số điện thoại của bà T cũng không liên lạc được, do đó nguyên đơn có cơ sở cho rằng bà T đã cố tình giấu địa chỉ nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên toà bà Huỳnh Thị Thanh T yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Phương T phải thanh toán cho bà số tiền 323.413.669 đồng. Trong đó:

- Tiền nợ gốc: 200.000.000 đồng;

- Tiền nợ lãi trên nợ gốc theo giấy vay tiền (lãi suất 1%/tháng) từ khi nhận đủ tiền vào 22/11/2018 đến ngày 22/12/2018: 2.000.000 đồng;

- Tiền lãi quá hạn trên tiền nợ gốc tính từ ngày 23/12/2018 đến ngày 06/05/2022: 150%×12% (tính theo năm) × 3,37 năm (tương ứng 1.231 ngày) × 200.000.000 đồng = 121.413.699 đồng.

Bà Huỳnh Thị Thanh T chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày 06/5/2022 và không yêu cầu tính lãi của nợ lãi quá hạn.

- Bị đơn bà Trần Thị Phương T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bà vẫn vắng mặt, không có ý kiến.

-Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại khoản 5 Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đã không chấp hành các quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh T, buộc bà Trần Thị Phương T phải trả cho bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền gốc và lãi 323.413.669 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Theo trong Giấy cho vay tiền, các biên bản xác minh tại các địa phương thể hiện người bị kiện bà Trần Thị Phương T có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng mà người khởi kiện biết được là ở tại số 256 đường H, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng, người khởi kiện đã cung cấp đúng địa chỉ của người bị kiện theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng bằng văn bản. Bà Trần Thị Phương T thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, Toà

án giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Căn cứ vào Giấy cho vay tiền ngày 10/9/2018, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở xác định bà Trần Thị Phương T có vay của bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền 200.000.000 đồng, hợp đồng lập bằng văn bản viết tay, thời gian vay 01 tháng, lãi suất thoả thuận 01%/01 tháng, thời điểm thanh toán gốc và lãi là sau 01 tháng do vậy là loại hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc ký kết hợp đồng vay là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2]. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ bà Trần Thị Phương T để giải quyết vụ án nhưng bà vẫn vắng mặt không có lý do, việc bà Trần Thị Phương T không đến Tòa án trình bày ý kiến phản đối, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa cho thấy bà đã từ bỏ quyền chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3]. Đối với khoản tiền gốc cho vay, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, bên cho vay là bà Huỳnh Thị Thanh T đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao tài sản cho bên vay bằng cách chuyển khoản qua Ngân hàng có chi tiết sao kê chuyển khoản các lần chuyển tiền, từ khi đến hạn trả nợ là vào ngày 23/12/2018 cho đến nay bà Trần Thị Phương T chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ, do đó, bà Huỳnh Thị Thanh T yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Phương T thanh toán toàn bộ số tiền gốc 200.000.000đ đồng là có cơ sở, đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4]. Đối với khoản tiền lãi: Yêu cầu tính lãi trên nợ gốc là 01%/01 tháng theo thoả thuận Giấy vay tiền, lãi quá hạn trên nợ gốc 150% của lãi trong hạn là 1,5%/01 tháng của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự, hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng

một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí tranh chấp dân sự có giá ngạch trên số tiền phải trả 323.413.669 đồng x 5% = 16.170.683 đồng; Nguyên đơn không chịu án phí, hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[5]. Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án tại phiên toà hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của bà Huỳnh Thị Thanh T đối với bà Trần Thị Phương T

Buộc bà Trần Thị Phương T phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền 323.413.669đ (Ba trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm mười ba nghìn, sáu trăm sáu mươi chín đồng) theo Giấy cho vay tiền ngày 10/9/2018.

Trong đó: Tiền gốc: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

Tiền lãi: 123.413.669đ (Một trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm mười ba nghìn, sáu trăm sáu mươi chín đồng)

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Phương T phải chịu 16.170.683đ (Mười sáu triệu, một trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm tám mươi ba đồng).

Bà Huỳnh Thị Thanh T không chịu án phí, hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí 6.222.400đ (Sáu triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm đồng) bà Huỳnh Thị Thanh T đã nộp theo biên lai thu số: 0006012 ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng